

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/HSST
Ngày 09/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán H1- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2022/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/HSST-QĐ ngày 31/5/2022, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ LỆ XUÂN T.

Sinh ngày: 30/6/1979; tại: Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và con bà Phan Thị Ngọc S, sinh năm 1958; có chồng là Trần Quốc Q, sinh năm 1974 và có 02 con, sinh năm 2004 và năm 2011.

- Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Có mặt tại phiên tòa.

2. TẠ THỊ NGỌC A

Sinh ngày: 12/12/1967; tại: Quảng Nam.

Nơi cư trú: Thôn X, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Tạ V (đã chết) và con bà Phạm Thị H, sinh năm 1936; có chồng là Ngô Xuân P và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2002.

- Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Thị Ngọc A:* Luật sư Nguyễn Ngọc Bảo C (vắng mặt) và Luật sư Lê Xuân Anh P (có mặt) – Công ty luật TNHH MTV T - Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị hại:* Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh T. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tùng L. Chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thùy T. Sinh năm 1996.

Trú tại: Đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Mai Phương T. Sinh năm 1999.

Trú tại: Thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Mạnh H.

Trú tại: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Ông Bùi Đình H1. Sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thị Lê Xuân T và Tạ Thị Ngọc A bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 02/2020 Nguyễn Thị Lê Xuân T mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sh Mode, biển số 47B2-667.67 tại Công ty TNHH Lai Hương, địa chỉ 187 Lê Hồng Phong, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột với số tiền 70.000.000 đồng, bằng hình thức trả góp. Đến ngày 29/02/2020, Nguyễn Thị Lê Xuân T đến dịch vụ cầm đồ Lê Huy, địa chỉ: 138-140 Ama Khê, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, do anh Nguyễn Mạnh H (là quản lý) thế chấp chiếc xe mô tô Honda Sh Mode, biển số 47B2-667.67 để vay số tiền 40.000.000 đồng. Nguyễn Thị Lê Xuân T với anh H làm hợp đồng mua bán chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 tại Văn phòng Công chứng Đại An, địa chỉ: 38 Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, anh H giữ lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 125123 (bản gốc) mang tên Nguyễn Thị Lê Xuân T. Sau đó, T với anh H làm hợp đồng thuê lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 thời hạn 03 tháng, với số tiền là 600.000 đồng/01 tháng. Đến ngày 04/3/2020 T đến phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk để làm lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B2-667.67 và được nhận giấy hẹn đến ngày 09/4/2020 phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk trả kết quả. Sau đó đến ngày 08/3/2020, tại quán cà phê (chưa rõ địa chỉ) trên

đường Phạm Văn Đồng, phường Tân Hoà, thành phố Buôn Ma Thuột, T gặp Trần Văn B (sinh năm 1978, trú tại: Thôn 1, xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông). Biết nói với T về việc mua 02 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sh Mode tại huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông bằng hình thức trả góp nên hiện nay Giấy chứng nhận đăng ký gốc của cả 02 chiếc xe trên đang thế chấp tại công ty tài chính để vay tiền. Trần Văn B hỏi T có chỗ nào làm giấy đăng ký giả không thì T đồng ý và dùng điện thoại di động hiệu OPP F1, màu đỏ đăng nhập tài khoản Facebook tên là “XUANTHAO” để nhắn tin Messenger, giao dịch đặt làm Giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Lúc này T cũng đang cần tiền nên T nảy sinh ý định làm giả giấy tờ xe mô tô nhãn hiệu Hoda SHmode biển số 47B2-667.67 của T để mang đi thế chấp vay tiền. T chụp hình lại 02 bản photo giấy đăng ký xe biển số 48E1-319.42 và 48E1-319.52 của Biết. Sau đó T sử dụng ứng dụng Facebook để tìm kiếm, liên lạc với người làm giấy tờ giả (chưa rõ nhân thân lai lịch). Sau đó T tìm được người làm giấy tờ giả thì sử dụng chương trình nhắn tin, gọi điện Messenger trên điện thoại để liên hệ với 01 người (chưa rõ nhân thân lai lịch) nhận làm Giấy chứng nhận đăng ký xe giả và thỏa thuận với giá là 2.500.000 đồng/01 giấy chứng nhận đăng ký xe giả. T chuyển hình ảnh 03 giấy chứng nhận đăng ký của các xe có biển số 47B2-667.67, 48E1-319.42 và 48E1-319.52, của T và B cho người nhận làm Giấy chứng nhận đăng ký xe giả, đồng thời T sử dụng địa chỉ giả là số nhà 14 Ama Zhao, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột để giao nhận giấy tờ giả. Đến ngày 14/03/2020, thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh thì T nhận được 03 giấy chứng nhận đăng ký xe giả của các xe có biển số 47B2-667.67, 48E1-319.42 và 48E1-319.52 và thanh toán hết số tiền là 7.500.000 đồng. T đưa cho Trần Văn B 02 giấy chứng nhận đăng ký xe giả của các xe biển số 48E1-319.42, 48E1-319.52 mang tên Trần Văn B và B trả cho T số tiền 5.000.000 đồng (là tiền công làm hai bộ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô). Lúc này, Trần Văn B hỏi T có biết chỗ nào hỗ trợ cầm cố xe mô tô biển số 48 không thì T điện thoại liên lạc với chị Ngô Thùy T, sinh năm 1996 (là nhân viên Công ty TNHH DVTH Tân TĐ, địa chỉ 130 Lê Duẩn, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột) hỏi chị T về việc Công ty Tân TĐ có hỗ trợ cho vay xe mô tô biển số 48 không? Chị T trả lời là có. Sau đó T đưa số điện thoại của chị Trang để B liên lạc cầm cố xe mô tô biển số 48E1-319.52. Sau đó B đến Công ty Tân TĐ gặp chị T thế chấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả biển số 48E1-319.52 chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi T biết việc B thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe giả để vay tiền tại Công ty Tân TĐ không bị Công ty Tân TĐ phát hiện. Đến ngày 15/3/2020 T mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda ShMode, biển số 47B2-667.67 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Nguyễn Thị Lệ Xuân T đến Công ty Tân TĐ gặp chị T để thế chấp chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty Tân TĐ. Chị T kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 47B2-667.67 nhưng không biết là giả nên đã đưa cho T số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 02/4/2020, Trần Văn B tiếp tục mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda ShMode, biển số 48E1-319.42 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả đến Công ty Tân TĐ thế chấp chiếm đoạt số tiền 27.000.000 đồng.

Đến khoảng cuối tháng 3/2020 do không có tiền trả nợ nên Tạ Thị Ngọc A đến hỏi vay tiền của T nhưng không được. Ngọc Anh nói với T về việc Ngọc A cho chị Phạm Thị Ái V (là người quen, sinh năm 1984, trú tại 157/01/01 Ama Khê, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột) vay tiền. Sau đó V không có tiền trả cho T nên đã bán lại cho Ngọc A 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision nhưng V chưa trả hết tiền mua xe nên không có giấy đăng ký xe và biển số xe. Sau khi mua xe của V thì Ngọc A thế chấp chiếc xe Honda Vision cho Tuyết (chưa rõ nhân thân lai lịch) trên đường Phạm Ngũ Lão, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột. Đến hạn trả tiền nhưng Ngọc A không có tiền trả cho T để lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision. Lúc này T nói với Ngọc A về việc đặt làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Vision giả và biển số xe giả cho Ngọc A với số tiền là 2.800.000 đồng (trong đó: Giấy đăng ký xe giả là 2.500.000 đồng và biển số giả là 300.000 đồng). Sau đó Ngọc A tự mang xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số giả và giấy chứng nhận đăng ký xe giả đi thế chấp vay tiền thì Ngọc A đồng ý. Ngọc A nhấn cho T số khung, số máy của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, đồng thời thống nhất lấy biển số 47B2-574.67 để làm biển số và giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Sau đó T sử dụng mạng xã hội Facebook để đặt làm 01 biển số 47B2-574.67 giả và giấy đăng ký giả của xe mô tô có biển số 47B2-574.67, đứng tên chủ xe là Tạ Thị Ngọc A. Đến ngày 09/4/2020 T nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe giả và biển số 47B2-574.67 giả T đưa cho Ngọc A thì Ngọc A trả cho T số tiền 2.800.000 đồng (là tiền công làm giấy đăng ký xe mô tô và biển số 47B2-574.67 giả). Sau đó Ngọc A gắn biển số 47B2-574.67 giả vào xe mô tô hiệu Honda Vision rồi mang chiếc xe Honda Vision có gắn biển số 47B2-574.67 giả cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên Tạ Thị Ngọc A đến Công ty Tân TĐ gặp chị T làm thủ tục cầm cố chiếm đoạt số tiền 17.500.000 đồng. Đến ngày 11/04/2020, chị Ngô Thùy T phát hiện các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, của các xe biển số 47B2-667.67; 47B2-574.67; 48E1-319.42; 48E1-319.52 và 01 biển số xe máy 47B2-574.67 là giả nên trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B2-667.67 (bản gốc) mang tên Nguyễn Thị Lệ Xuân T.

- 04 bộ hồ sơ vay tiền do Công ty Tân Tín Đạt Đắk Lắk cung cấp, mỗi bộ hồ sơ gồm: 01 giấy bán xe; 01 hợp đồng thuê xe; 02 trang cuối của hợp đồng mua bán bắt đầu từ: ĐIỀU 6. Phương thức giải quyết tranh chấp đến ĐIỀU 8. Điều khoản cuối cùng.

- 01 hợp đồng đề nghị vay vốn và 01 hợp đồng thế chấp tài sản chiếc xe mô tô biển số 48E1-319.42, số 20200228-3980806 ngày 28/02/2020 của Trần Văn B.

- 04 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 125123, biển số 47B2-667.67 mang tên Nguyễn Thị Lệ Xuân T; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 112099, biển số 47B2-

574.67 mang tên Tạ Thị Ngọc A; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 024494, biển số 48E1-319.42 mang tên Trần Văn B; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 024467, biển số 48E1-319.52 mang tên Trần Văn B; 01 biển số 47B2-574.67 giả; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Shmode, màu đỏ, biển số 47B2-667.67, số khung RLHJF5164KZ157385; Số máy: JF87E5119236 của Nguyễn Thị Lê Xuân T; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh – đen, số khung: RLHJF5831KY531906; Số máy: JF86E0234669, của Tạ Thị Ngọc A, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số 655 ngày 24/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Số khung, số máy của xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode gắn biển số 47B2-667.67 và của xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision gắn biển số 47B2-574.67 không thay đổi.

Tại bản Kết luận giám định số 656 ngày 17/8/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 04 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B2-667.67; 47B2-574.67; 48E1-319.42; 48E1-319.52 và biển số 47B2-574.67 là giả và Biển số 47B2-667.67 là biển số thật.

Tại bản Kết luận giám định số 847 ngày 20/8/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 125123, ghi phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 26/02/2020, tên chủ xe là Nguyễn Thị Lê Xuân T, biển số đăng ký 47B2-667.67, là thật.

Tại bản kết luận giám định số 237 ngày 11/3/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận, kết luận: Chữ ký danh, chữ viết và chữ viết họ tên “Biết-Trần Văn Biết ” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký dạng chữ viết tên “Biết” và chữ viết họ tên “Trần Văn Biết” liền dưới chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 đến M4, là do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 210/CT-VKS-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lê Xuân T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Tạ Thị Ngọc A về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Ngọc A từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Ngọc A từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 04 (bốn) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B2-667.67; 47B2-574.67; 48E1-319.42 và 48E1-319.52, là giả và 04 bộ hồ sơ vay tiền của công ty Tân Tín Đạt, là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) Biển số 47B2-574.67 là giả, là vật chứng của vụ án.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Shmode, màu đỏ đen, biển số 47B2-667.67, số khung RLHJF5164KZ157385; số máy: JF87E5119236. Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị Lệ Xuân T đã thế chấp chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 cho anh Nguyễn Mạnh H để vay số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 06/8/2021 T đã đồng ý giao chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 cho anh Hội nhận quản lý, sử dụng. Do vậy cần trả lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Hội nhận quản lý sử dụng.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, số khung: RLHJF5831KY531906; Số máy: JF86E0234669. Quá trình điều tra xác định: Chị Phạm Thị Ái V mua tại Công ty TNHH TMDV xe máy Việt Hùng do ông Bùi Đình H (là chủ quản lý). Khi mua bán xe mô tô V chưa trả hết tiền nên ông H chưa làm thủ tục đăng ký biển số cho chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu cho chị V. Ngày 16/3/2020, chị Vy đã viết giấy bán lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen cho Tạ Thị Ngọc A. Hiện Tạ Thị Ngọc A không yêu cầu nhận lại xe chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen và không yêu cầu

Cơ quan điều tra giải quyết đối với số tiền 15.000.000 đồng (là số tiền Ngọc A mua xe mô tô của chị V). Do vậy, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen cho Phạm Thị Ai V nhận quản lý, sử dụng.

+ Đối với biển số 47B2-574.67, tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Biển số xe 47B2-574.67 đứng tên chủ xe là chị Mai Phương T. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 47B2-574.67, hiện chị T đang sử dụng hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T và Tạ Thị Ngọc A nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

+ Quá trình điều tra xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1 màu đỏ là tài sản của Nguyễn Thị Lệ Xuân T, dùng vào việc phạm tội. Quá trình sử dụng điện thoại bị hư hỏng T đã vứt bỏ (không rõ vị trí), Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo Tạ Thị Ngọc A đã tự nguyện bồi thường số tiền 17.500.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty Tân Tín Đạt. Công ty Tân Tín Đạt đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Thị Ngọc Anh, Luật sư Lê Xuân Anh P trình bày:* Các bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì các bị cáo không có ý thức chiếm đoạt. Các bị cáo thế chấp các giấy đăng ký và cả các chiếc xe mô tô để vay tiền, mà xe mô tô là xe thật của các bị cáo nên nếu các bị cáo có chiếm đoạt số tiền vay của Công ty Tân TĐ thì vẫn xử lý được các chiếc xe để thu hồi vốn vay cho Công ty Tân TĐ. Mặt khác, số tiền các bị cáo vay chưa đến hạn trả nợ và ngay sau khi hành vi của các bị cáo bị Công ty Tân TĐ phát hiện thì các bị cáo đã trả cho Công ty Tân TĐ toàn bộ số tiền vay.

Bị cáo Ngọc A bị truy tố về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 là không phù hợp. Vì như vậy, bị cáo chỉ thực hiện một hành vi nhưng bị xử lý và chịu hậu quả hai lần là bất lợi cho bị cáo.

Bị cáo Tạ Thị Ngọc A phải được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Ngọc A là nghiêm khắc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tang vật của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có

trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T và Tạ Thị Ngọc A tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì động cơ vụ lợi và ý thức coi thường pháp luật về trật tự quản lý hành chính, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên từ tháng 03/2020 đến tháng 04/2020 tại thành phố Buôn Ma Thuột, Nguyễn Thị Lệ Xuân T làm giả 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của các xe biển số 47B2-667.67; 47B2-574.67; 48E1-319.42; 48E1-319.52 và 01 biển số xe 47B2-574.67; Tạ Thị Ngọc A làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 biển số 47B2-574.67.

Ngày 15/3/2020, Nguyễn Thị Lệ Xuân T mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda ShMode, biển số 47B2-667.67 và sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả lừa đảo chị Ngô Thùy T là nhân viên Công ty TNHH DVTH Tân TĐ do ông Nguyễn Danh T làm giám đốc, chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 09/4/2020 Tạ Thị Ngọc A mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, gắn biển số 47B2-574.67 giả và sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, lừa đảo chị Ngô Thùy T là nhân viên Công ty TNHH DVTH Tân TĐ do ông Nguyễn Danh T làm giám đốc, chiếm đoạt số tiền 17.500.000 đồng.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Tạ Thị Ngọc A đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Tạ Thị Ngọc A về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm;

a).....;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác”.

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là công dân có đủ nhận thức, các bị cáo biết và buộc phải biết việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật. Đồng thời, các bị cáo cũng nhận thức và biết tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và biết rõ mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều phải bị trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự quản lý hành chính và quyền sở hữu tài sản của người khác và vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã làm giả các giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô; sau đó, bằng thủ đoạn gian dối để chị Ngô Thùy T là nhân viên Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp Tân TĐ tin tưởng, không nghi ngờ nên bị cáo T đã chiếm đoạt được số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo Ngọc A chiếm đoạt được số tiền 17.500.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính; xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, xâm phạm đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên vai trò, tính chất và mức độ hành vi của các bị cáo là khác nhau, nên cần phân hóa tính chất và hành vi của từng bị cáo nhằm có hình phạt tương xứng. Bị cáo T là người khởi xướng và là người thực hành tích cực nhất, làm giả 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để sử dụng lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng. Đồng thời, bị cáo T là người gợi ý, khởi xướng, giúp sức để bị cáo Ngọc A nảy sinh ý định làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 biển số xe mô tô để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 17.500.000 đồng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T nghiêm khắc hơn so với bị cáo Ngọc A.

Xét tính chất của vụ án, hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo; đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét về nhân thân, bị cáo là công dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi hành vi bị phát hiện, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo Ngọc A đã tự nguyện bồi thường số tiền 17.500.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty Tân TĐ và được Công ty Tân TĐ đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” cho các bị cáo, để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo, nhằm thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Từ những xem xét, đánh giá, nhận định trên, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp, cần chấp nhận.

+ Trong vụ án này, còn có bị can Trần Văn B là người đã nhờ Nguyễn Thị Lê Xuân T làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe của các xe biển số 48E1-319.42 và 48E1-319.52. Sau đó B sử dụng 02 giấy chứng nhận đăng ký giả đến Công ty Tân TĐ để thế chấp chiếm đoạt số tiền 62.000.000 đồng. Ngày 23/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn B về tội Làm giả tài liệu của cơ quan; sử dụng tài liệu giả của cơ quan quy định tại khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội Trần Văn B đã bỏ trốn khỏi địa phương. Do vậy ngày 25/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định truy nã số 05 đối với Trần Văn B, khi nào bắt được bị can Biết thì xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với hành vi Trần Văn B mang hai giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả biển số 48E1-319.42 và 48E1-319.52, cầm cố tại Công ty Tân TĐ, chiếm đoạt số tiền 62.000.000 đồng thì trước đó T và B không bàn bạc về việc B chiếm đoạt số tiền của Công ty Tân TĐ, T không được hưởng lợi từ số tiền B chiếm đoạt. Do vậy T không đồng phạm với Trần Văn B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

+ Đối với hành vi Nguyễn Thị Lê Xuân T làm hợp đồng với anh Nguyễn Mạnh H vay số tiền 40.000.000 đồng và đảm bảo khoản vay bằng chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67, đây là vụ việc dân sự. Quá trình điều tra xác định: T không có mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 và số tiền 40.000.000 đồng của anh H. Anh H không yêu cầu xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý hình sự là có căn cứ pháp luật.

+ Đối với đối tượng trên Facebook bị cáo Nguyễn Thị Lê Xuân T đặt làm giả các tài các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và biển số xe. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 04 (bốn) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B2-667.67; 47B2-574.67; 48E1-319.42 và 48E1-319.52, là giả và 04 bộ hồ sơ vay tiền của công ty Tân Tín Đạt, là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) biển số 47B2-574.67 là giả, là vật chứng của vụ án.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Shmode, màu đỏ đen, biển số 47B2-667.67, số khung RLHJF5164KZ157385; số máy: JF87E5119236. Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị Lê Xuân T đã thế chấp chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 cho anh Nguyễn Mạnh H để vay số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 06/8/2021 T đã đồng ý giao chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 cho anh H nhận quản lý, sử dụng. Do vậy cần trả lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-667.67 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh H nhận quản lý sử dụng.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, số khung: RLHJF5831KY531906; Số máy: JF86E0234669. Quá trình điều tra xác định: Chị Phạm Thị Ái V mua tại Công ty TNHH TMDV xe máy Việt Hùng do ông Bùi Đình H (là chủ quản lý). Khi mua bán xe mô tô V chưa trả hết tiền nên ông H chưa làm thủ tục đăng ký biển số cho chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu cho chị V. Ngày 16/3/2020, chị V đã viết giấy bán lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen cho Tạ Thị Ngọc A. Hiện Tạ Thị Ngọc A không yêu cầu nhận

lại xe chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen và không yêu cầu Cơ quan điều tra giải quyết đối với số tiền 15.000.000 đồng (là số tiền Ngọc A mua xe mô tô của chị V). Do vậy, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen cho Phạm Thị Ái V nhận quản lý, sử dụng.

+ Đối với biển số 47B2-574.67, tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Biển số xe 47B2-574.67 đứng tên chủ xe là chị Mai Phương T. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 47B2-574.67, hiện chị T đang sử dụng hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can Nguyễn Thị Lệ Xuân T và Tạ Thị Ngọc A nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

+ Quá trình điều tra xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1 màu đỏ là tài sản của Nguyễn Thị Lệ Xuân T, dùng vào việc phạm tội. Quá trình sử dụng điện thoại bị hư hỏng T đã vứt bỏ (không rõ vị trí), Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo Tạ Thị Ngọc A đã tự nguyện bồi thường số tiền 17.500.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty Tân TĐ. Công ty Tân TĐ đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 và và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T và Tạ Thị Ngọc A phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T 03 (ba) năm tù, về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/12/2021.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:
Xử phạt bị cáo Tạ Thị Ngọc A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tạ Thị Ngọc A 09 (chín) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/12/2021.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo Tạ Thị Ngọc A đã tự nguyện bồi thường số tiền 17.500.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty Tân TĐ. Công ty Tân TĐ đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để xem xét.

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 04 (bốn) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B2-667.67; 47B2-574.67; 48E1-319.42 và 48E1-319.52, là giả và 04 bộ hồ sơ vay tiền của công ty Tân TĐ, là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) Biển số 47B2-574.67 là giả, là vật chứng của vụ án.

+ Giao cho anh Nguyễn Mạnh H nhận quản lý, sử dụng 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Shmode, màu đỏ đen, biển số 47B2-667.67, số khung RLHJF5164KZ157385; số máy: JF87E5119236 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Ái V 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, số khung: RLHJF5831KY531906; Số máy: JF86E0234669.

(Đặc điểm như trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/7/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

+ Đối với biển số 47B2-574.67, đứng tên chủ xe là chị Mai Phương T. Hiện chị T đang sử dụng hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo

Nguyễn Thị Lệ Xuân T và Tạ Thị Ngọc A, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Thị Lệ Xuân T và Tạ Thị Ngọc A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải